

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 756/2022/HC-PT

Ngày: 16 - 9 - 2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc
trường hợp thu hồi giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 222/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2021/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1373/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Ngô S, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô S: Bà Lương Thị Thu H, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ: đường N, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng.

- *Người bị kiện:*

1/. Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng)

mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ 55, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường Ph, phường Ph1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp Th, xã B1, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Kim H: Bà Lương Thị Thu H, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ: đường N, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng.

- *Người kháng cáo:* Bà Lương Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 27/12/2006, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ) số AG 835835 cho ông Ngô S và bà Trần Thị Kim H đối với diện tích đất 930m² số thửa 100, số tờ bản đồ 25 tại xã B1, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 13/10/2016, UBND huyện X ban hành Quyết định số 4111/QĐ-UBND về thanh tra việc cấp Giấy CNQSDĐ tại khu vực quy hoạch Khu du lịch và dân cư L, xã B1.

Ngày 16/4/2018, UBND huyện X có Kết luận thanh tra số 1558/KL-UBND về việc cấp Giấy CNQSDĐ tại khu vực quy hoạch Khu du lịch và dân cư L, xã B1, huyện X từ năm 2004 đến năm 2015 đã kết luận việc UBND huyện X cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Ngô S đối với thửa đất 100, tờ bản đồ số 25 là không đúng với hiện trạng và thực tế sử dụng. Giao Trưởng phòng tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND huyện thu hồi, hủy bỏ Giấy CNQSDĐ theo quy định (Kết luận 1558).

Ngày 19/4/2018, Trưởng phòng tài nguyên và Môi trường có tờ trình số 339/TTr-TNMT về việc đề nghị thu hồi Giấy CNQSDĐ đã cấp.

Ngày 24/4/2018, UBND X ban hành Quyết định số 1228/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông Ngô S đối với diện tích đất 930m² số thửa 100, số tờ bản đồ 25 tại xã B1, huyện X (Quyết định 1228).

Ông S không đồng ý với Quyết định 1228 đã làm đơn khiếu nại. Ngày 06/7/2018, Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số 2017/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung bác đơn khiếu nại của ông S (Quyết định 2017).

Ông S tiếp tục làm đơn khiếu nại. Ngày 04/9/2019, Chủ tịch UBND tỉnh

Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2312/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai (Quyết định 2312) với nội dung bác đơn khiếu nại của ông S, công nhận và giữ nguyên nội Quyết định 1228 và Quyết định 2017.

Ngày 04/9/2019, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện X về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ngô S.

- Hủy Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô S.

- Hủy Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô S (lần 2).

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:

Vào những năm 1990, gia đình ông S khai phá và sử dụng diện tích đất 930m² số thửa 100, số tờ bản đồ 25 tại xã B1, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Việc khai hoang của gia đình ông S không có tài liệu chứng minh nhưng có các hộ dân xung quanh biết. Ông S có đăng ký kê khai và có tên trong Sổ mục kê năm 2005 xã B1.

Năm 2003, ông S và bà H chuyển nhượng diện tích đất 429m² cho ông Hoàng Văn G bằng giấy tay, có xác nhận của Chủ tịch UBND xã B1. Hiện trạng đất để trồng cây tràm, rau muống và khoai lang.

Ngày 27/12/2006, vợ chồng ông S và bà H được UBND huyện X cấp Giấy CNQSDĐ số AG 835835 đối với thửa đất số 100 nhưng đến ngày 24/08/2018, UBND huyện X lại ban hành Quyết định 1228 thu hồi, hủy bỏ Giấy CNQSDĐ đã cấp cho hộ ông S.

Không đồng ý với Quyết định 1228, ông S làm đơn khiếu nại. Tại Quyết định 2017 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện X và Quyết định 2312 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã bác đơn khiếu nại của ông S.

Diện tích đất 930m² do gia đình ông S khai hoang và sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp từ năm 1990. Việc sử dụng đất là trước thời điểm có quy hoạch Dự án Khu du lịch và khu dân cư L và Dự án đường ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận đoạn Bến Lội - B1. Ngày 02/01/2003, ông S và bà H làm đơn xác nhận chữ ký cản trở nợ bằng đất cho ông G một phần thửa đất số 100 là do không hiểu biết pháp luật và đang nợ tiền ông G nhưng chưa có tiền trả. Căn cứ khoản 4, khoản 6 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ thì việc UBND huyện X cấp Giấy CNQSDĐ số AG 835835 cho ông S, bà H là đúng quy định.

Việc UBND huyện X ban hành Quyết định 1228 thu hồi, hủy bỏ Giấy

CNQSDĐ số AG 835835 là không có căn cứ pháp lý. Vì vậy, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định 1228, Quyết định 2017 và Quyết định 2312.

Người bị kiện UBND huyện X và Chủ tịch UBND huyện X trình bày:

Về quá trình cấp Giấy CNQSDĐ số AG 835835: Ngày 25/11/2006, ông S và bà H có đơn xin cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 100, nguồn gốc đất do tự khai phá năm 1990, đơn có xác nhận của công chức địa chính xã với nội dung: Gia đình ông Ngô S tự khai phá năm 1990. Hiện nay nằm trong khu quy hoạch L nhưng chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền (xác nhận vào ngày 15/10/2006). Đến ngày 22/12/2006, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận nội dung đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 22/12/2006, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X có Tờ trình số 449/TTr-TN&MT đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông S. Ngày 27/12/2006, UBND huyện X cấp Giấy CNQSDĐ số AG 835835 hộ ông S thửa đất trên.

Nhận thấy việc cấp Giấy CNQSDĐ cho ông S là không đúng quy định nên UBND huyện X đã tiến hành thanh tra lại. Tại Kết luận thanh tra số 1558 thì việc cấp Giấy CNQSDĐ cho ông S là không đúng quy định về hình thức và nội dung, cụ thể:

Về trình tự, thủ tục: Ngày 25/11/2006, ông S và bà H có đơn xin cấp Giấy CNQSDĐ nhưng UBND xã B1 lại xác nhận vào đơn xin cấp Giấy CNQSDĐ ngày 15/10/2006, tức là xã xác nhận trước khi có đơn 40 ngày.

Về nguồn gốc đất: Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 25 là đất công do UBND xã B1 quản lý. Theo sổ mục kê năm 1997 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X cung cấp thì thửa đất số 100, tờ bản đồ số 25 có diện tích 1.000m² không có tên người đăng ký sử dụng. Theo sổ mục kê năm 2005, thửa đất số 100 có diện tích 930m² tên người sử dụng là ông Ngô S.

Về hiện trạng và thực tế sử dụng đất: Năm 2003, ông S đã chuyển nhượng một phần đất cho ông G. Tại thời điểm cấp giấy thì ông S không sử dụng đất mà là đất bỏ hoang. Việc chuyển nhượng đất của ông S là vi phạm pháp luật đất đai. Theo quy định Điều 6 Luật đất đai năm 1993 “Nghiêm cấm việc lấn chiếm đất đai, chuyển quyền sử dụng đất trái phép, sử dụng đất không đúng mục đích được giao, hủy hoại đất”; khoản 1 Điều 30 Luật đất đai năm 1993 “Đất sử dụng không có giấy tờ hợp pháp”.

Ông S, bà H cho rằng ông bà sử dụng đất ổn định, hợp pháp là không có cơ sở vì từ năm 1998, gia đình ông S để hoang, không sử dụng đến năm 2006. Quá trình làm việc tại UBND huyện X, ông S và bà H trình bày đất khai phá sử dụng vào năm 1994 chứ không phải năm 1990.

Từ những căn cứ trên, UBND huyện X ban hành Quyết định 1228 thu hồi, hủy bỏ Giấy CNQSDĐ số AG 835835 và Chủ tịch UBND huyện X ban

hành Quyết định 2017 giải quyết khiếu nại với nội dung bác đơn khiếu nại của ông S là đúng quy định. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trình bày:

Thông nhất với ý kiến của UBND huyện X và Chủ tịch UBND huyện X về nguồn gốc đất và quá trình cấp Giấy CNQSDĐ cho ông S và bà H đối với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 25, diện tích 930m².

Ngày 13/10/2016, UBND huyện X ban hành Quyết định số 4111/QĐ-UBND về thanh tra việc cấp Giấy CNQSDĐ tại khu vực quy hoạch Khu du lịch và dân cư L, xã B1.

Ngày 16/4/2018, UBND huyện X ban hành Kết luận thanh tra số 1558 đã kết luận thửa đất số 100, thửa đất số 25 là đất công do nhà nước quản lý. Việc cấp Giấy CNQSDĐ cho ông S là không đúng với hiện trạng và thực tế sử dụng vì gia đình ông S sử dụng đất không ổn định do đã chuyển nhượng đất cho người khác từ năm 2003 và một phần thửa đất số 100 nằm trong quyết định số 7465/QĐ.UB ngày 08/8/2003 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt dự án đường ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận.

UBND huyện X ban hành Quyết định 1228 thu hồi, hủy bỏ Giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông S là kịp thời và đúng quy định. Việc ông S khiếu nại yêu cầu hủy Quyết định 1228 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2017 là không có cơ sở. Do vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định 2312 với nội dung bác đơn khiếu nại của ông S, công nhận và giữ nguyên Quyết định 1228 và Quyết định 2017 là đúng quy định. Đơn khởi kiện của ông S không có tình tiết gì mới làm thay đổi bản chất vụ việc nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông S.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim H:
Thông nhất với ý kiến của ông S, không bổ sung gì thêm

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2021/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ Điều 49, khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003,

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 41, khoản 2 Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô S về việc:

- Hủy Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện X về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ngô S tại xã B1, huyện X.

- Hủy Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô S.

- Hủy Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô S, địa chỉ ấp B, xã B1, huyện X (lần hai).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/11/2021, bà Lương Thị Thu H – đại diện người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô S. Đồng thời, đại diện người khởi kiện xác định toàn bộ diện tích đất trước đây ông S, bà H đã chuyển nhượng cho ông G, bà L để cản trở nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của đại diện người khởi kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Lương Thị Thu H – đại diện người khởi kiện làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Ủy ban nhân dân (UBND) huyện X, Chủ tịch UBND huyện X được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt; Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có văn bản xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Ngô S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện X về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ngô S đối với thửa đất số 100, tờ

bản đồ 25, diện tích 930m² và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Với lý do phần diện tích đất trên gia đình ông S khai phá từ năm 1990, sử dụng ổn định và có tên trong Sổ mục kê năm 2005 xã B1.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Tại sổ mục kê năm 1997 xã B1, thửa đất số 100, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.000 m² không có tên người đăng ký sử dụng; tại sổ mục kê năm 2005 xã B1, ông Ngô S là người đứng tên đăng ký sử dụng thửa đất số 100, tờ bản đồ 25, diện tích 930m². Tuy nhiên, một phần thửa đất số 100 nêu trên nằm trong phần diện tích đất UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã thu hồi đất để thực hiện dự án đường ven biển theo Quyết định số 8252/QĐ-UB ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau khi thu hồi thì thửa đất số 100, tờ bản đồ số 25 diện tích còn lại là 405m².

Ông S, bà H trình bày năm 2003, ông S, bà H làm đơn xin xác nhận chữ ký cản trừ nợ bằng đất cho ông Hoàng Văn G một phần thửa 100, diện tích đất 429m² với giá 58.000.000 đồng, có xác nhận của UBND xã B1. Theo đơn cản trừ nợ đất thì kể từ ngày 02/01/2003, ông G được toàn quyền sử dụng diện tích đất 429m², khi nào có Giấy CNQSDĐ gia đình ông S sẽ làm thủ tục sang nhượng cho ông G theo đúng quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh ngày 05/01/2007 của Thanh tra huyện X, ông G trình bày: Khi nhận chuyển nhượng diện tích đất 429m² của ông S, trên đất có trồng màu, không có nhà ở. Từ khi nhận chuyển nhượng đến nay chưa sử dụng vào mục đích gì vì vào năm 2004 nhà nước tiến hành kiểm kê để làm đường ven biển, yêu cầu giữ nguyên hiện trạng. Tại biên bản đối thoại ngày 19/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ông Hoàng Văn B là đại diện theo ủy quyền của ông S thừa nhận diện tích đất 930m² đã được ông S sang nhượng toàn bộ cho ông G và bà Nguyễn Thị L.

Như vậy, từ năm 2003 ông S và bà H đã chuyển nhượng diện tích đất 930m² cho ông G và bà L; thực tế không còn canh tác sử dụng. Năm 2004, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình đường ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận đã thu hồi một phần thửa đất số 100, diện tích còn lại sau thu hồi là 405m².

Năm 2005 ông S tiến hành kê khai và được UBND huyện X cấp Giấy CNQSDĐ số AG 835835 ngày 27/12/2006 cho ông S và bà H đối với diện tích đất 930m² thuộc trường hợp cấp không đúng đối tượng sử dụng đất và không đúng diện tích đất, đã vi phạm Điều 49, khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; điểm d khoản 2 Điều 41, khoản 2 Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

UBND X ban hành Quyết định số 1228/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ Giấy CNQSDĐ số AG 835835 là đúng quy định tại điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 06/7/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X ban hành Quyết định số 2017/QĐ-UBND; ngày 04/9/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2312/QĐ-UBND bác khiếu nại của ông Ngô S đối với Quyết định số 1228/QĐ-UBND là đúng quy định pháp luật.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Lương Thị Thu H – đại diện người khởi kiện không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Ngô S (có bà Lương Thị Thu H đại diện theo ủy quyền) phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị Thu H – đại diện người khởi kiện.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2021/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng Điều 49, khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; điểm d khoản 2 Điều 41, khoản 2 Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô S về việc:

- Hủy Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện X về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ngô S tại xã B1, huyện X.

- Hủy Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô S.

- Hủy Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô S, địa chỉ ấp B, xã B1, huyện X (lần hai).

2/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng

ngị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Ngô S phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000087 ngày 14/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; đương sự đã thực hiện xong.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- ĐS (5);
- Lưu VP (3), HS (2).15b.TTPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng